

Số: 18447/CT-TTHT
V/v giải đáp chính sách thuế

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH Inabata Việt Nam
(Địa chỉ: Phòng 902B, tòa nhà Mặt trời sáng Hồng, số 23 Phan Chu Trinh, Hà Nội)
MST: 0102795154

Cục thuế TP Hà Nội nhận được công văn hỏi số 060216/IKV ngày 06/02/2017 của Công ty TNHH Inabata Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng.

+ Tại khoản 20 Điều 4 có quy định về khái niệm khu phi thuế quan:

“ Khu phi thuế quan bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại - công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập và được hưởng các ưu đãi về thuế như khu phi thuế quan theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Quan hệ mua bán trao đổi hàng hoá giữa các khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.”

+ Tại khoản 1 khoản 2 Điều 9 quy định thuế suất 0% đối với hàng hóa xuất khẩu:

“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là hàng hoá, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

...

2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

a) Đối với hàng hoá xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hoá xuất khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu;

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.



Riêng đối với trường hợp hàng hoá bán mà điểm giao, nhận hàng hoá ở ngoài Việt Nam, cơ sở kinh doanh (bên bán) phải có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hoá ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng mua hàng hoá ký với bên bán hàng hoá ở nước ngoài; hợp đồng bán hàng hoá ký với bên mua hàng; chứng từ chứng minh hàng hoá được giao, nhận ở ngoài Việt Nam như: hóa đơn thương mại theo thông lệ quốc tế, vận đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ...; chứng từ thanh toán qua ngân hàng gồm: chứng từ qua ngân hàng của cơ sở kinh doanh thanh toán cho bên bán hàng hoá ở nước ngoài; chứng từ thanh toán qua ngân hàng của bên mua hàng hoá thanh toán cho cơ sở kinh doanh.

Ví dụ 48: Công ty A và Công ty B (là các doanh nghiệp Việt Nam) ký hợp đồng mua bán dầu nhờn. Công ty A mua dầu nhờn của các công ty ở Sin-ga-po, sau đó bán cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po. Trường hợp Công ty A có: Hợp đồng mua dầu nhờn ký với các công ty ở Sin-ga-po, hợp đồng bán hàng giữa Công ty A và Công ty B; chứng từ chứng minh hàng hoá đã giao cho Công ty B tại cảng biển Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty A chuyển cho các công ty bán dầu nhờn ở Sin-ga-po, chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng do Công ty B thanh toán cho Công ty A thì doanh thu do Công ty A nhận được từ bán dầu nhờn cho Công ty B được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.”

- Căn cứ khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính) như sau:

“Điều 15. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

1. Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt gồm chứng từ thanh toán qua ngân hàng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt khác hướng dẫn tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

...”

Căn cứ các quy định trên, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

+ Trường hợp Công ty nhập khẩu hàng hóa ở nước ngoài, sau đó Công ty bán lại cho doanh nghiệp Việt Nam mà điểm giao hàng hóa nằm ngoài lãnh thổ

Việt Nam nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại tiết a điểm 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 0%.

+ Trường hợp Công ty ký hợp đồng nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài sau đó bán cho doanh nghiệp chế xuất tại Việt Nam thì áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 0% nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại tiết a điểm 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Trường hợp Công ty ký hợp đồng nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài sau đó bán cho khách hàng là doanh nghiệp Việt Nam. Hàng hóa được giao theo điều kiện giá CIF tại cảng Việt Nam, giá trị hợp đồng là giá CIF tại cảng Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam tự chịu trách nhiệm làm thủ tục hải quan để nhập khẩu và nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu phù hợp với quy định của pháp luật về hải quan thì:

- Công ty lập hóa đơn, kê khai, tính nộp thuế GTGT theo quy định. Khi lập hóa đơn, trên hóa đơn ghi rõ doanh thu tính thuế GTGT theo hợp đồng đã ký với doanh nghiệp Việt Nam, trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo tờ khai hải quan mà doanh nghiệp Việt Nam đã kê khai, làm thủ tục nhập khẩu được giảm trừ trong doanh thu tính thuế GTGT.

Đối với khách hàng là doanh nghiệp Việt Nam được căn cứ vào chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, hóa đơn GTGT mà công ty lập giao cho doanh nghiệp để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

Công ty và khách hàng tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai, lập hóa đơn tính thuế GTGT theo hợp đồng ký kết.

Trường hợp trong quá trình thực hiện còn vướng, đề nghị Công ty liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 hoặc Phòng Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế để được hướng dẫn.

Cục thuế TP Hà Nội thông báo để Công ty được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT1;
- Phòng Pháp Chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6,3)

